

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày 30-7-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Thương

Ông Nguyễn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Võ Duy Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS, ngày 01-7-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS, ngày 16-7-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: **Đặng Minh T** (Tên gọi khác: **U**), sinh ngày 02 tháng 4 năm 2000, tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thành T1 và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: chưa có; tiền án: không;

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 07/01/2020, có hành vi trộm cắp tài sản tại Y. Ngày 25/3/2020, Công an Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPHC, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đ, đã thi hành xong vào ngày 30/3/2020.

Bị cáo Đặng Minh T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Trần Thị N, sinh năm 1978. Có mặt

Trú tại: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Phạm Thị T2, sinh năm 1956.

- Nguyễn Đức T3, sinh năm 1985

Cùng trú tại: Tổ 2, phường P, Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà T2, ông T3 vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Minh T (Sinh ngày 02/4/2000, trú tại thôn E, xã R, huyện Q) không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 1 giờ ngày 13/3/2020, T đi bộ từ nhà mình theo con đường xóm đến phía sau nhà bà Trần Thị N (Sinh năm 1978) ở cùng thôn. Đến nhà bà N, thấy cửa phía sau được đóng bên trong nhưng bị hở nên T dùng tay trái kéo một cánh cửa, đồng thời đưa bàn tay phải vào bên trong cửa kiểm tra thấy ổ khóa không bấm chốt khóa nên T đã lấy ổ khóa ra khỏi khay chốt và mở cửa đi vào phía bên trong nhà bếp. T tiếp tục mở cửa nhà bếp và đi vào nhà ngang thì thấy bà N đang nằm ngủ cùng chồng là ông Nguyễn văn T4 (sinh năm 1974) tại giường nhà ngang (giường được đặt dọc với vách tường ngăn cách phòng bếp với phòng nhà ngang), bà N nằm phía ngoài (so với vách tường). Trong phòng có ánh sáng đèn ngủ nên T quan sát thấy bà N đang đeo sợi dây chuyền trên cổ. T đi về phía phòng khách theo đường luồng trong nhà đến cửa trước (cửa có 4 cánh) của phòng khách. T dùng tay trái kéo chốt cửa giữa phía trên rồi mở 01 cánh cửa để sẵn với mục đích để tẩu thoát. Sau đó, T quay lại đứng ở khu vực đầu giường nơi bà N đang nằm ngủ, dùng tay trái kéo chân mùng lên, còn tay phải luồng vào bên trong mùng ngủ và dùng tay phải chộp giật lấy sợi dây chuyền đang đeo trên cổ bà N, T giật mạnh làm bung móc khóa của sợi dây chuyền rồi nhanh chóng cầm sợi dây chuyền chạy về phía phòng khách. Lúc này, bà N giật mình thức giấc và thấy có dáng người đàn ông đang chạy về hướng phòng khách nên bà N hô hoán “chết nó giật sợi dây” rồi cùng chồng chạy theo truy bắt nhưng T đã tẩu thoát ra ngoài qua cánh cửa đã mở sẵn. T chạy vòng qua hè bên phải nhà bà N rồi theo đường luồng giữa chuồng bò và nhà bà N để theo đường cũ về nhà. T cất giấu sợi dây chuyền tại phòng ngủ của mình. Đến trưa ngày 15/3/2020, T đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng K do bà Phạm Thị T2 (Sinh năm 1956, ở tại Tổ 2, Phường P, TP Quảng Ngãi) làm chủ để bán cho anh Nguyễn Đức T3 (Sinh năm 1985 là con ruột của bà T2) với số tiền 3.950.000đ (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, CQCSĐT Công an huyện Q đã tiến hành thu giữ sợi dây chuyền mà T đã giật của bà N và bán cho tiệm vàng K. Đồng thời, trích xuất dữ liệu camera gắn tại tiệm vàng có nội dung sự việc T đã bán sợi dây chuyền cho anh Nguyễn Đức T3.

Ngày 19/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 18/CSĐT để trưng cầu giám định vàng đối với sợi dây chuyền đã thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 312/C09(DD4) ngày 13/4/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có khối lượng 7,02 gam, trong đó hàm lượng vàng 60,08%, bạc 19,96%, đồng 18,13%, kẽm 1,65%, niken 0,18%.

Ngày 27/4/2020, CQCSĐT Công an huyện Q có Yêu cầu định giá tài sản số 48/CSĐT, yêu cầu định giá trị đối với sợi dây chuyền đã thu giữ. Ngày 12/5/2020, Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự ban hành Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTTHS, kết luận: sợi dây chuyền kim loại nên trên có giá trị là 5.388.000đ (Năm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Ngày 24/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 17/CSĐT để trưng cầu giám định dữ liệu kỹ thuật số đối với dữ liệu được trích xuất từ camera của tiệm vàng K. Tại Kết luận giám định số 241/KLGD-PC09 ngày 06/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: có 07 hình ảnh được trích xuất từ đoạn file dữ liệu; thời gian ghi hình file dữ liệu từ 12 giờ 31 phút đến 13 giờ 27 phút 27 giây ngày 15/3/2020.(Hình ảnh T đến bán sợi dây chuyền đã giật của bà N).

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-NH ngày 30-6-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo **Đặng Minh T** về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại khoản 01 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo **Đặng Minh T** phạm tội "**Cướp giật tài sản**" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đặng Minh T** từ 12 tháng đến 18 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về dân sự: Đã giải quyết xong, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo **Đặng Minh T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng với mục đích vụ lợi cá nhân, nên vào khoảng 1 giờ ngày 13/3/2020 bị cáo Đặng Minh T đã thực hiện hành vi giật lấy dây chuyền vàng của bà Trần Thị N đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng tẩu thoát, tại nhà ở của bà Trần Thị N; trú tại: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tại kết luận giám định số 312/C09 (DD4) ngày 13/4/2020 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có khối lượng 7,02 gam, trong đó hàm lượng vàng 60.08%, bạc 19,96%, đồng 18,13%, kẽm 1,65%, niken 0,18%. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận định giá trị dây chuyền vàng là 5.388.000đ (Năm triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Đặng Minh T đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Minh T thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo bồi thường thay cho bị cáo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên cần áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đặng Minh T có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Trưởng công an Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản tại Y, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Đối với Nguyễn Đức T3: Quá trình bị cáo Đặng Minh T đem dây chuyền vàng đến bán cho anh T3 (con trai bà Phạm Thị T2) tại tiệm vàng K thì anh T3 không hứa hẹn trước và cũng không biết dây chuyền vàng do bị cáo Đặng Minh T cướp giật mà có. Do đó, anh Nguyễn Đức T3 không phải là đồng phạm trong vụ án và hành vi mua dây chuyền vàng không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[7] Về dân sự: Bị hại Trần Thị N đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2 (chủ tiệm vàng K) đã nhận tiền bồi thường, về phần dân sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã thu giữ 01 dây chuyền vàng bằng kim loại màu vàng, dài 51,5cm, khối lượng 7,02 gam. Đây là tài sản mà Đặng Minh T đã chiếm đoạt của bà Trần Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà N theo quy định là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Đặng Minh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Minh T** (Tên gọi khác: **U**) phạm tội “**Cướp giật tài sản**”

2- Xử phạt bị cáo **Đặng Minh T** (Tên gọi khác: **U**) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3- Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Minh T (Tên gọi khác: **U**) phải nộp **200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan THAHS CA huyện Q;
- Nhà tạm giữ CA huyện Q;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thor